

Số: **13** /2016/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày **23** tháng **6** năm 2016

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BGTVT
ngày 08 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy
định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt**

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;

*Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường sắt
Việt Nam,*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung
một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao
thông đường sắt.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-
BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 6 như sau:

“3. Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Trường hợp
hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Đường sắt
Việt Nam phải hướng dẫn chủ sở hữu phương tiện hoàn thiện hồ sơ trong
vòng 01 ngày làm việc (nếu hồ sơ nộp trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản
cho chủ sở hữu phương tiện biết để bổ sung hồ sơ trong vòng 02 ngày làm
việc (nếu tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính).

4. Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ
sơ đầy đủ theo quy định, Cục Đường sắt Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng
ký phương tiện. Trường hợp không cấp, Cục Đường sắt Việt Nam có văn bản
trả lời cho chủ sở hữu phương tiện và nêu rõ lý do.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Các giấy tờ của phương tiện

a) Đối với phương tiện nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp trong nước: bản chính hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng mua bán, sản xuất, lắp ráp phương tiện; bản chính hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính (nếu phương tiện bán ra chuyển qua nhiều tổ chức, cá nhân thì khi đăng ký chỉ cần bản sao có chứng thực từ bản chính hóa đơn bán hàng của tổ chức, cá nhân bán cuối cùng); đối với phương tiện nhập khẩu phải có thêm bản chính hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính tờ khai hải quan dùng cho hàng nhập khẩu.

b) Đối với phương tiện đã qua sử dụng

Bản chính hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính: hợp đồng mua bán, hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính (nếu phương tiện bán ra chuyển qua nhiều tổ chức, cá nhân thì khi đăng ký chỉ cần bản chính hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính hóa đơn bán hàng của tổ chức, cá nhân bán cuối cùng), trường hợp không có đủ các giấy tờ nêu trên thì yêu cầu có các giấy tờ sau đây: bản chính hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính quyết định điều chuyển phương tiện hoặc bản kê khai chủng loại phương tiện của tổ chức, cá nhân đang sử dụng do chủ sở hữu phương tiện (hoặc người được ủy quyền) theo quy định của pháp luật ký.

c) Trường hợp trong cùng một hợp đồng mua bán, sản xuất, lắp ráp phương tiện, hóa đơn bán hàng, tờ khai hải quan của hồ sơ có kê khai nhiều phương tiện thì chủ sở hữu phương tiện có trách nhiệm cung cấp hồ sơ đối với từng phương tiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện do Cơ quan Đăng kiểm Việt Nam cấp và đang còn hiệu lực”.

4. Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 8 như sau:

“d) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính các giấy tờ sau: hợp đồng, hóa đơn mua, bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện.”

5. Bổ sung điểm d khoản 2 Điều 11 như sau:

“d. Đối với các chủng loại toa xe như M, MVT, P và các toa xe do hạn chế kích thước thành, bệ xe thì tiến hành kê ký hiệu nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 3 trên cùng một hàng”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Kiểu chữ, kích thước chữ, số của số đăng ký phương tiện giao thông đường sắt

1. Kiểu chữ, dấu ngăn cách và số theo phong chữ Arial;
2. Kích thước các chữ và số bằng 120 mm đến 150 mm;
3. Các phương tiện có thêm ký hiệu chữ thường (Ví dụ: chữ “n” trong ký hiệu toa xe giường nằm mềm An) có kích thước chiều cao bằng 50% kích thước chiều cao các chữ, số còn lại.”

7. Sửa đổi Điều 16 như sau:

“Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

Các phương tiện giao thông đường sắt đã được Cục Đường sắt Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến nay được giữ nguyên số đăng ký cũ. Trường hợp chủ sở hữu có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện mới, Cục Đường sắt Việt Nam sẽ làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định tại Thông tư này”.

8. Thay thế các Phụ lục 1, 2, 3, 4, 5, 6 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2013 bằng các Phụ lục 1, 2, 3, 4, 5, 6 tương ứng ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Điều khoản bị bãi bỏ

Bãi bỏ khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 01/2013/TT-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

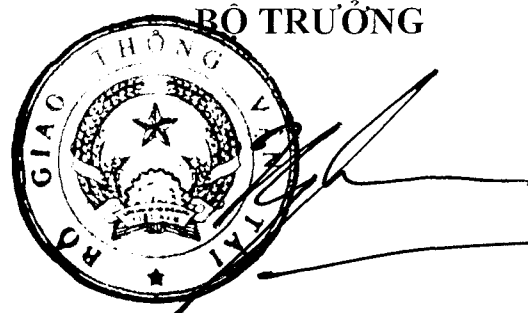
1. Cục Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân báo cáo kịp thời về Cục Đường sắt Việt Nam để tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, giải quyết.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TCTy Đường sắt VN, TCTy Thép VN; TCTy Hóa chất VN, Tập đoàn CN Than và khoáng sản VN;
- Công ty quản lý đường sắt đô thị Hà Nội;
- Các Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội, T.p Hồ Chí Minh;
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GTVT;
- Báo GT, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, Vtái (Trường.5b).



BỘ TRƯỞNG
Trương Quang Nghĩa

PHỤ LỤC 1

Mẫu đơn đề nghị đăng ký phương tiện giao thông đường sắt
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13 /2016/TT-BGTVT ngày 23 tháng 6 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

(Dùng cho phương tiện đăng ký lần đầu)

Kính gửi:.....
Tên chủ phương tiện:.....
Địa chỉ:.....
Loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng):.....
Nhân hiệu:.....
Xuất xứ (nước sản xuất, nhà sản xuất):.....
Năm sản xuất:.....
Số Giấy chứng nhận ATKT & BVMT:

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

Khổ đường (mm)	
Tự trọng (t)	
Tải trọng (t) – Số chỗ	
Kiểu truyền động	
Động cơ (nếu có)	
Số động cơ (nếu có)	
Công suất động cơ (nếu có)	
Loại giá chuyên hướng (nếu có)	
Kích thước giới hạn của phương tiện: (DxCxR)	

Giấy tờ kèm theo gồm:

.....
.....
.....

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là đúng sự thực. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật

Nay đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho phương tiện trên./.

..... Ngày tháng năm

Chủ sở hữu phương tiện
(Ký tên, đóng dấu - nếu có)